

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20-6-2024

V/v : Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hương Thom
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 20-6-2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 47/2024/TLST-HNGĐ ngày 14-3-2024 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-6-2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Như N, sinh năm 1987. Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979. Có mặt.

Cùng trú tại: Thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-3-2024, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Như N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 30-4-2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng tính tình không hợp nhau nên thường xuyên mắng chửi lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Trần Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Gia H1, sinh ngày 26-02-2014 và Nguyễn Đan T, sinh ngày 08-7-2016. Hiện nay các cháu đang ở cùng với chị tại nhà bố mẹ đẻ của chị kể từ thời điểm chị sống ly thân với anh Nguyễn Văn H. Kể từ thời điểm đó, anh Nguyễn Văn H không hề chu cấp gì chị để chi trả cho sinh hoạt, ăn uống của các cháu. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về các điều kiện nuôi con: Hàng ngày chị buôn bán ở chợ, thu nhập khoảng 13.000.000 đồng/tháng; trình độ học vấn của chị học hết lớp 12/12; có đất thổ cư mang tên chị nhưng chưa có nhà riêng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Phạm Thị Như N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như chị Phạm Thị Như N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, mắng chửi lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2023 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với chị Phạm Thị Như N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Gia H1, sinh ngày 26-02-2014 và Nguyễn Đan T, sinh ngày 08-7-2016. Kể từ khi anh và chị Phạm Thị Như N sống ly thân thì các cháu sống cùng với chị N tại nhà bố mẹ đẻ của chị N, thì thoảng anh mới đón các cháu về. Trong thời gian đó các chi tiêu sinh hoạt, ăn uống của các cháu đều do chị N chi trả, anh không hề đưa tiền cho chị N. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đan T, để chị Phạm Thị Như N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H1, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về các điều kiện nuôi con: Anh làm thợ xây, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng; trình độ học vấn của anh học hết lớp 4/12; hiện nay vẫn sống chung với bố mẹ, không có nhà, đất riêng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn nguyện vọng, các cháu Nguyễn Gia H1, Nguyễn Đan T đều có nguyện vọng được ở với mẹ vì mẹ yêu thương các cháu nhiều hơn, được đi học gần nhà, cháu Nguyễn Gia H1 còn trình bày anh Nguyễn Văn H thường xuyên uống rượu, hút thuốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên tiến hành hòa giải nhiều lần, chị Phạm Thị Như N và anh Nguyễn Văn H thống nhất thuận tình ly hôn nhưng không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng* :

Anh Nguyễn Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Như N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị Như N và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 30-4-2013 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ, mắng chửi nhau. Nay anh chị đều xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và thống nhất thuận tình ly hôn với nhau. Do đó cần công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Phạm Thị Như N và anh Nguyễn Văn H.

[3] *Về con chung*: Chị Phạm Thị Như N và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là Nguyễn Gia H1, sinh ngày 26-02-2014 và Nguyễn Đan T, sinh ngày 08-7-2016. Ly hôn, chị Phạm Thị Như N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Văn H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đan T để chị Phạm Thị Như N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H1 cho đến khi các cháu 18 tuổi.

Xét về các điều kiện nuôi con chung:

Về công việc, thu nhập: Chị Phạm Thị Như N và anh Nguyễn Văn H đều là lao động tự do, không có tài liệu để chứng minh thu nhập, trong quá trình chung sống, anh, chị đều không biết thu nhập của nhau như thế nào. Tuy nhiên kể từ thời điểm hai vợ chồng sống ly thân, chị N và các con chung sống cùng với nhau tại nhà bố mẹ đẻ của chị, cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của các cháu vẫn được đảm

bảo dù anh Nguyễn Văn H không hề đưa tiền cho chị N. Như vậy khẳng định thu nhập của chị N hoàn toàn đủ để chăm lo cho các con chung.

Về trình độ học vấn: Chị Phạm Thị Như N học hết lớp 12/12 trong khi đó anh Nguyễn Văn H chỉ học hết lớp 4/12. Điều này thể hiện chị N có điều kiện tốt hơn để dạy bảo các con học hành.

Về chỗ ở: Chị Phạm Thị Như N và anh Nguyễn Văn H đều không có nhà riêng, nên điều kiện này hai bên ngang nhau.

Ngoài ra, các cháu Nguyễn Gia H1 và Nguyễn Đan T đều có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Phạm Thị Như N vì mẹ yêu thương các cháu nhiều hơn.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét thấy để đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt, đảm bảo sự ổn định cuộc sống của các cháu cũng như nguyện vọng của các cháu, cần giao cả hai cháu Nguyễn Gia H1 và Nguyễn Đan T cho chị Phạm Thị Như N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị Như N không yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Chị Phạm Thị Như N và anh Nguyễn Văn H đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Phạm Thị Như N và anh Nguyễn Văn H tự nguyện ly hôn với nhau trước khi mở phiên tòa xét xử nên mỗi bên phải chịu 25% mức án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Chị Phạm Thị Như N tự nguyện nhận chịu án phí của cả vụ án.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Phạm Thị Như N và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cả hai cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 26-02-2014 và Nguyễn Đan T, sinh ngày 08-7-2016 cho chị Phạm Thị Như N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác, anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở..

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Như N nhận chịu cả 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Biên lai số AA/2023/0001474 ngày 14-3-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trấn Yên. Chị Phạm Thị Như N được nhận lại 150.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trấn Yên;
- Chi cục THADS huyện Trấn Yên;
- UBND xã báo Đáp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Duy